TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:159/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến,

2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023.

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1987;

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An**.**

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 4 năm 2023 và bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2023 nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N trình bày:

Bà và ông Lê Văn C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/12/2007. Trong quá trình chung sống thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý, sinh ngày 15/11/2008 và Lê Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Lê Huỳnh Như Ý và Lê Huỳnh Bảo N1. Bà Như không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2023 bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý với bà Trần Thị Ngọc N về thời điểm kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông C và bà N có 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý, sinh ngày 15/11/2008 và Lê Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, ông đồng ý cho bà N nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý, Lê Huỳnh Bảo N1 và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Ngọc N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C, địa chỉ tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng bà Trần Thị Ngọc N có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định của Điều 207, Điều 208, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N và bị đơn ông Lê Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông C.

[4] Xét nội dung yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Lê Văn C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 12/12/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số116, quyển số 01/2007) nên hôn nhân giữa bà N và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà N trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì phát

sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Lê Văn C. Ông C trình bày ông đồng ý với bà N về thời điểm kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn, nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông C là có thực và đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Lê Văn C thống nhất xác định có 02 con chung Lê Huỳnh Như Ý, sinh ngày 15/11/2008 và Lê Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý và Lê Huỳnh Bảo N1. Ông C đồng ý giao 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý và Lê Huỳnh Bảo N1 cho bà N nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Lê Huỳnh Như Ý và Lê Huỳnh Bảo N1 có nguyện vọng sau khi ba mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần của trẻ cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị Ngọc N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Lê Văn C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Lê Văn C thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207, Điều 208, Điều 211; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc N đối với ông Lê Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc N được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Huỳnh Như Ý, sinh ngày 15/11/2008 và Lê Huỳnh Bảo N1, sinh ngày 20/01/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị Ngọc N không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008475 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà N đã nộp đủ. Ông C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thùy Trang